



LỊCH THI GIỮA HỌC KÌ I

NĂM HỌC 2022-2023

THỜI GIAN	TIẾT	MÔN THI	THỜI GIAN
Thứ 2 31/10/2022	2	Giáo dục công dân	45 phút
	3	Công nghệ	45 phút
Thứ 3 01/11/2022	2	Lịch sử 8, 9 Lịch sử - Địa lý 6, 7	45 phút 60 phút
	3	Địa lý 8, 9	45 phút
Thứ 4 02/11/2022	2	Sinh học 8, 9 Khoa học tự nhiên 6, 7	45 phút 60 phút
	3	Vật lý 8, 9	45 phút
Thứ 5 03/11/2022	2	Hóa học 8, 9 Tin học 6, 7	45 phút 45 phút
	3	Tiếng Anh	60 phút
Thứ 6 04/11/2022	1+2	Ngữ Văn	90 phút
Thứ 7 05/11/2022	1+2	Toán học	90 phút

Môn: TOÁN HỌC

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM.

Câu 1: Cho M là tập hợp các số tự nhiên nhỏ hơn hoặc bằng 4. Khẳng định dưới đây đúng là:

- A. $M = \{0; 1; 2; 3; 4\}$. B. $M = \{0; 1; 2; 3\}$.
C. $M = \{1; 2; 3; 4\}$. D. $M = \{1; 2; 3\}$.

Câu 2: Tập hợp các chữ cái có trong từ TOAN HOC là:

- A. $\{T; O; A; N; H; C\}$. B. $\{T; O; A; N\}$.
C. $\{H; O; C\}$. D. $\{T; O; A; N; H; O; C\}$.

Câu 3: Tập hợp các số tự nhiên $\mathbb{N}$ được viết đúng là:

- A. $\mathbb{N} = \{0; 1; 2; 3; 4; \dots\}$. B. $\mathbb{N} = \{0; 1; 2; 3; 4\}$.
C. $\mathbb{N} = \{0, 1, 2, 3, 4, \dots\}$. D. $\mathbb{N} = \{0, 1, 2, 3, 4\}$.

Câu 4: Số phần tử của tập hợp $A = \{1; 3; 5; 7; 9; \dots; 999\}$ là:

- A. 999. B. 998. C. 500. D. 499.

Câu 5: Số La Mã XIV có giá trị là:

- A. 4. B. 10. C. 14. D. 16.

Câu 6: Tìm số tự nhiên x , biết: $5x + 3x = 88$

- A. $x = 11$. B. $x = 5$. C. $x = 8$. D. Kết quả khác.

Câu 7: Kết quả của phép tính $120 - 60 : 5 - 4$ là:

- A. 8. B. 60. C. 104. D. 112.

Câu 8: Một cửa hàng có 7305 mét vải, cửa hàng đã bán đi 2183 mét vải. Số mét vải còn lại của cửa hàng là:

- A. 4122. B. 5122. C. 5022. D. 5222.

Câu 9: Kết quả của phép tính $5^5 \cdot 5^3$ bằng:

- A. 5^8 . B. 5^{15} . C. 25^{15} . D. 10^8 .

Câu 10: Kết quả của phép tính: $3^{15} : 3^5$ bằng:

- A. 1. B. 3^5 . C. 3^{10} . D. 3^3 .

Câu 11: Kết quả của phép tính: $3^4 : 3 + 2^3 : 2^2$ bằng:

- A. 11. B. 83. C. 13. D. 29.

Câu 12: Đối với các biểu thức có dấu ngoặc, thứ tự thực hiện phép tính là:

- A. $\{\} \rightarrow [] \rightarrow ()$. B. $() \rightarrow [] \rightarrow \{\}$.
C. $\{\} \rightarrow () \rightarrow []$. D. $[] \rightarrow () \rightarrow \{\}$.

Câu 13: Tập hợp tất cả các ước của 9 là:

- A. $\{0; 1; 3; 9\}$. B. $\{1; 3; 9\}$. C. $\{1; 3; 6\}$. D. $\{1; 3\}$.

Câu 14: Tập hợp M các số tự nhiên là bội của 6, lớn hơn 12 và nhỏ hơn 45 là:

- A. $M = \{12; 18; 24; 30; 36; 42\}$ B. $M = \{18; 24; 30; 36\}$.
C. $M = \{12; 18; 24; 30; 36\}$ D. $M = \{18; 24; 30; 36; 42\}$.

Câu 15: Trong các số sau, số nào chia hết cho cả 3 và 5?

- A. 2010. B. 2015. C. 2022. D. 2020.

Câu 16: Tổng $2020 + 15$ chia hết cho số nào sau đây?

- A. 9. B. 7. C. 5. D. 3.

Câu 17: Giá trị của $*$ để $\overline{127*}$ chia hết cho 9 là:

- A. 0. B. 8. C. 2. D. 5.

Câu 18: Trong các phân tích sau, cách nào là phân tích thành các thừa số nguyên tố?

- A. $96 = 2.48$. B. $150 = 5.6.5$. C. $49 = 7.7$. D. $100 = 5.2.10$

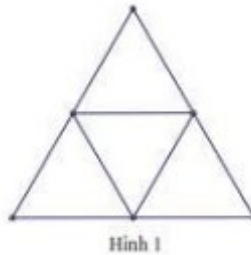
Câu 19 : ƯCLN(18,60) bằng

- A. 30. B. 6. C. 12. D. 18.

Câu 20: Cho $24 = 2^3 \cdot 3$; $180 = 2^2 \cdot 3^2 \cdot 5$. Khi đó BCNN(24,180) là:

- A. $2^2 \cdot 3 \cdot 5$ B. $2^3 \cdot 3^2 \cdot 5$ C. $2^3 \cdot 3^2$ D. $2^2 \cdot 3$.

Câu 21: Số hình tam giác đều trong hình vẽ 1 là:

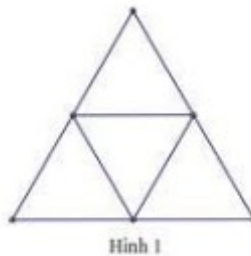


- A. 2. B. 3. C. 4. D. 5.

Tam giác đều ABC có chu vi bằng 12 cm. Độ dài cạnh BC là:

- A. 2 cm. B. 3 cm. C. 4 cm. D. 6 cm.

Câu 22: Số hình thoi trong hình vẽ 1 là:



- A. 0. B. 1. C. 2. D. 3.

Câu 23: Hình vuông có chu vi 20 cm thì diện tích của nó là:

- A. 20 cm^2 . B. 25 cm^2 . C. 25 cm^2 . D. 16 cm^2 .

Câu 24: Một hình chữ nhật có chu vi 24 cm, chiều rộng là 5 cm. Diện tích hình chữ nhật đó là:

- A. 15 cm^2 . B. 25 cm^2 . C. 35 cm^2 . D. 24 cm^2 .

Câu 25: Một hình vuông có độ dài cạnh là 10 cm. Chu vi của hình vuông bằng bao nhiêu dm?

- A. 40 cm. B. 100 cm. C. 100 cm^2 . D. 10dm.

Câu 26: Một hình chữ nhật có chiều dài là 2dm, chiều rộng là 8 cm. Chu vi của hình chữ nhật đó là:

- A. 16 cm. B. 32 cm. C. 280 cm. D. 56 cm.

Câu 27: Một hình chữ nhật có diện tích bằng 18 cm^2 ; kích thước một cạnh của hình chữ nhật là 2 m. Kích thước cạnh còn lại của hình chữ nhật đó là:

- A. 45 cm. B. 9 m. C. 7 m. D. 45 cm^2 .

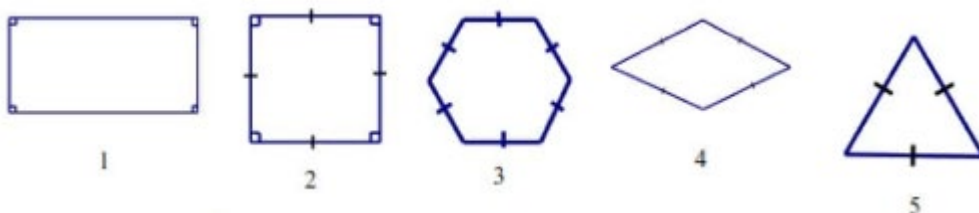
Câu 28: Một hình vuông có diện tích 16 cm^2 . Chu vi của hình vuông là:

- A. 4 cm. B. 8 cm. C. 16 cm. D. 32 cm.

Câu 29: Một hình thoi có diện tích là 40 dm^2 , độ dài một đường chéo là 8dm. Độ dài đường chéo còn lại là:

- A. 5dm. B. 10dm. C. 320dm. D. 160dm.

Câu 30: Cho hình vẽ sau và nối tương ứng với tên gọi của các hình:



- A. Hình tam giác đều. B. Hình vuông.
C. Hình lục giác đều. D. Hình chữ nhật.

E. Hình thoi

II. PHẦN TỰ LUẬN

SỐ HỌC :

Dạng 1. Thực hiện phép tính

Phương pháp giải: Sử dụng quy tắc, thứ tự thực hiện, tính chất của các phép toán; dấu ngoặc để làm bài.

Bài 1: Tính hợp lý (nếu có thể)

a) $287 + 121 + 513 + 79$

b) $526 - 131 - 326 + 321$

c) $43.27 + 93.43 + 57.61 + 59.57$

d) $31.65 + 31.35 - 600$

e) $43.78 - 43.48 + 30.80 - 30.23$

f) $2^2.85 + 15.2^2 - 2020^\circ$

g) $(56.35 + 56.18) : 53$

h) $(158.129 - 158.39) : 180$

Bài 2: Thực hiện phép tính:

a) $13.17 - 256 : 16 + 14 : 7 - 1$

b) $150 + 50 : 5 - 2.3^2$

c) $80 + [37 - (3^2 + 2^3)]$

d) $3^7 : 3^3 + 2^3 : 4$

e) $2^2.85 + 40.2^2 - 2^3 \cdot 12$

g) $50 + [65 - (9 - 4)^2]$

h) $100 : \{250 : [450 - (4.5^3 - 2^2.25)]\}$

i) $2 \cdot \{19 - [4 + (7 + 2)^2 : 9]\}$

Dạng 2. Tìm x

Phương pháp giải: Dựa vào quan hệ phép tính, quan hệ chia hết, tính chất chia hết, dấu hiệu chia hết, định nghĩa lũy thừa để làm bài.

Bài 3: Tìm số tự nhiên x biết:

a) $(x + 7) - 25 = 13$

b) $87 - (73 - x) = 20$

c) $x - 105 : 21 = 15$

d) $15 + (x + 2)^2 : 3 = 18$

e) $20 - 2(x - 1)^2 = 2$

g) $3^x = 9$

h) $5.5^x = 625$

i) $(x - 1)^2 = 25$

Bài 4: Tìm số tự nhiên x biết:

a) $x \in U(18)$

b) $x \in U(20)$

c) $x \in B(12)$ và $30 \leq x \leq 100$

d) $x \in U(150)$ và $x \leq 50$.

Bài 5: Tìm chữ số x và y biết:

a) $\overline{17x2y}$ chia hết cho 2, 5, 3

b) $\overline{234xy}$ chia hết cho 2, 5, 9

Dạng 3. Bài toán có nội dung thực tế

Phương pháp giải: Phân tích đề bài để đưa về việc tìm UC hay U'CLN; BC hay BCNN của hai hay nhiều số.

Bài 6: Một lớp học có 24 học sinh nam và 18 học sinh nữ. Có bao nhiêu cách chia tổ sao cho số nam và số nữ được chia đều vào các tổ?

Bài 7: Cô giáo chủ nhiệm muốn chia 24 quyển vở, 48 bút bi và 36 gói bánh thành một số phần thưởng như nhau để trao trong dịp sơ kết học kì. Hỏi có thể chia được nhiều nhất bao nhiêu phần thưởng? Khi đó mỗi phần thưởng có bao nhiêu quyển vở, bút bi và gói bánh?

Bài 8: Bạn Hà có 42 viên bi màu đỏ và 30 viên bi màu vàng. Hà có thể chia nhiều nhất vào bao nhiêu túi sao cho số bi đỏ và bi vàng được chia đều vào các túi? Khi đó mỗi túi có bao nhiêu viên bi đỏ và viên bi vàng?

Bài 9: Ba khối 6, 7, 8 theo thứ tự có 300 học sinh, 276 học sinh, 252 học sinh xếp thành hàng dọc để diễu hành sao cho số hàng dọc của mỗi khối như nhau. Có thể xếp nhiều nhất thành mấy hàng dọc để mỗi khối đều không có ai lẻ hàng? Khi đó ở mỗi khối có bao nhiêu hàng ngang?

Bài 10: Một trường có số học sinh lớn hơn 900 và nhỏ hơn 1100, khi cho xếp hàng 7 hoặc 8 hoặc 9 đều vừa đủ. Tìm số học sinh của trường.

II. HÌNH HỌC.

Bài 11: Một siêu thị cần treo đèn LED trang trí xung quanh mép một tấm biển quảng cáo hình chữ nhật có chiều rộng 5 m và chiều dài 10 m. Chi phí cho mỗi mét dài của đèn LED là 120000 đồng. Hỏi siêu thị đó phải trả bao nhiêu tiền khi cần treo đèn LED (bỏ qua tiền công thợ lắp đèn).

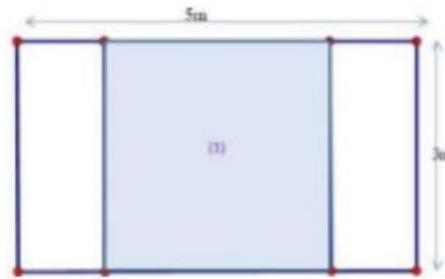
Bài 12: Cô Huệ muốn lát nền cho một căn phòng của nhà mình có hình chữ nhật với chiều dài là 8 m và chiều rộng 5 m. Loại gạch lát nền được sử dụng là gạch vuông có cạnh dài 40 cm. Hỏi cô Huệ phải sử dụng bao nhiêu viên gạch (coi mạch vữa không đáng kể).

Bài 13: Một khu vui chơi trẻ em có hình chữ nhật với chiều dài là 100 m và chiều rộng là 80 m. Người ta cần lắp xung quanh khu vui chơi một hệ thống cột đèn. Nếu giả sử cứ 5 m người ta lắp một cột đèn.

a) Hỏi xung quanh khu chơi có bao nhiêu cột đèn?

b) Nếu chi phí để lắp một cái cột đèn là 1200000 đồng thì hết bao nhiêu tiền để lắp toàn bộ cột đèn xung quanh khu vui chơi?

Bài 14: Một bức tường trang trí phòng khách có dạng hình chữ nhật có chiều dài 5 m, chiều rộng 3 m



Tính diện tích của bức tường.

Dạng 4. Một số bài tập nâng cao.

Bài 15: Cho $A = 2 + 2^2 + 2^3 + \dots + 2^{60}$. Chứng tỏ rằng: A chia hết cho 3, 5

Bài 16: Chứng tỏ rằng $A = 1 + 3 + 3^2 + 3^3 + \dots + 3^{97} + 3^{98}$ chia hết cho 13.

Bài 17: Tìm số tự nhiên n để:

a) $(n+6)$ chia hết cho n

b) $3(n+1)+11$ chia hết cho $(n+3)$

c) $(3n+16)$ chia hết cho $(n+4)$

Môn: KHOA HỌC TỰ NHIÊN

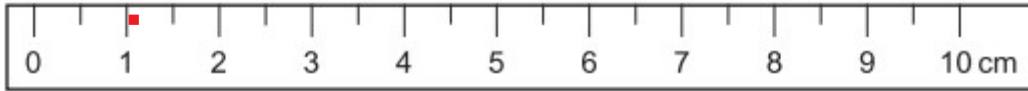
I. Lý thuyết:

1. Khái quát về KHTN
2. An toàn trong phòng thực hành
3. Kính lúp và kính hiển vi
4. Các phép đo: **đo chiều dài, đo khối lượng, đo thời gian, đo nhiệt độ**
5. Sự đa dạng của chất
6. Các thể của chất và sự chuyển thể
7. Oxygen. Không khí
8. Một số nguyên liệu, nhiên liệu, lương thực, thực phẩm trong đời sống

II. Nội dung ôn luyện

A. Câu hỏi TNKQ

Câu 1: Giới hạn đo và độ chia nhỏ nhất của thước là



- A. GHĐ là 10cm và ĐCNN 1mm
- B. GHĐ là 20cm và ĐCNN 1cm
- C. GHĐ là 100cm và ĐCNN 1cm
- D. GHĐ là 10cm và ĐCNN 0,5cm**

Câu 2: Khi sử dụng thước đo ta

- A. Chỉ cần biết giới hạn đo của nó.
- B. chỉ cần biết độ chia nhỏ nhất của nó.
- C. Chỉ cần biết đơn vị của thước đo.
- D. Phải biết cả giới hạn đo và độ chia nhỏ nhất**

Câu 3: Đơn vị đo độ dài trong hệ thống đo lường chính thức ở nước ta là

- A. dm
- B. m.
- C. inch.
- D. foot

Câu 4: Thước thích hợp để đo bề dày quyển sách Khoa học tự nhiên 6 là

- A. thước dây có giới hạn đo 1 m và độ chia nhỏ nhất 1 cm
- B. thước kẻ có giới hạn đo 10 cm và độ chia nhỏ nhất 1 mm
- C. thước cuộn có giới hạn đo 3 m và độ chia nhỏ nhất 5 cm
- D. thước thẳng có giới hạn đo 1,5 m và độ chia nhỏ nhất 1 cm

Câu 5: Để đo khoảng cách từ Trái Đất lên Mặt Trời người ta dùng đơn vị:

- A. Kilômét
- B. Năm ánh sáng
- C. Dặm
- D. Hải lí**

Câu 6: Người ta dùng một bình chia độ ghi tới cm^3 chứa 50 cm^3 nước. Khi thả hòn sỏi vào bình thì mực nước trong bình dâng lên đến vạch 75 cm^3 . Thể tích của hòn sỏi là

- A. 50 cm^3 .
- B. 75 cm^3 .
- C. 25 cm^3 .
- D. 125 cm^3 .**

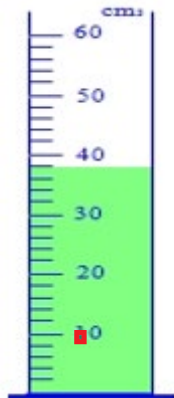
Câu 7: Đơn vị đo thể tích thường dùng là:

- A. mét (m)
- B. kilôgam (kg)
- C. Mét khối (m^3) và lít (l)
- D. mét vuông (m^2)**

Câu 8: Trên một hộp sữa tươi có ghi 200 ml. Con số đó cho biết:

- A. Thể tích của hộp sữa là 200 ml.
- B. Thể tích sữa trong hộp là 200 ml
- C. Khối lượng của hộp sữa
- D. Khối lượng sữa trong hộp**

Câu 9: Thể tích của mực chất lỏng trong bình là



- A. 38 cm^3 .
- B. 39 cm^3 .
- C. 36 cm^3 .
- D. 35 cm^3**

Câu 10: Đơn vị đo khối lượng trong hệ thống đo lường chính thức ở nước ta là

- A. tấn.
- B. miligam.
- C. kilôgam.
- D. gam.**

Câu 11: Trước một chiếc cầu có một biển báo giao thông ghi 10 T, con số 10 T này có ý nghĩa gì?



- A. Xe có trên 10 người ngồi thì không được đi qua cầu

- B. Xe có khối lượng trên 10 tấn thì không được đi qua cầu
 C. Khối lượng của xe trên 100 tấn thì không được đi qua cầu
 D. Khối lượng toàn bộ (của cả xe và hàng) trên 10 tấn thì không được đi qua cầu
Câu 12: Để cân bao gạo nặng khoảng 100 kg, người ta dùng cân nào trong các loại cân sau
 A. cân tạ. B. cân đồng hồ. C. cân tiểu li. D. cân đòn

- Câu 13:** Theo em các cân có GHD và ĐCNN nào được cho là cân y tế?
 A. 5 kg và 50 g. B. 100 kg và 0,5 kg.
 C. 1 kg và 10 g. D. 1 tấn và 1 kg.

- Câu 14:** Có 20 túi đường, ban đầu mỗi túi có khối lượng 1 kg, sau đó người ta cho thêm mỗi túi 2 lạng nữa. Khối lượng của 20 túi đường khi đó là bao nhiêu?
 A. 22 kg. B. 20 kg 10 lạng C. 24 kg. D. 20 kg 20 lạng

- Câu 15:** Khi đo nhiều lần thời gian chuyển động của một viên bi trên mặt phẳng nằm nghiêng mà thu được nhiều giá trị khác nhau, thì giá trị nào sau đây được lấy làm kết quả của phép đo?
 A. Giá trị của lần đo cuối cùng
 B. Trung bình cộng của số đo lớn nhất và số đo nhỏ nhất
 C. Giá trị trung bình của tất cả các giá trị đo được
 D. Giá trị được lặp lại nhiều lần nhất

- Câu 16:** Đơn vị đo thời gian trong hệ thống đo lường chính thức ở nước ta là
 A. tuần B. ngày C. giây D. giờ

- Câu 17:** Nguyên tắc nào dưới đây được sử dụng để chế tạo nhiệt kế thường dùng
 A. Dẫn nở vì nhiệt của chất lỏng B. Dẫn nở vì nhiệt của chất khí
 C. Thay đổi màu sắc của một vật theo nhiệt độ D. Hiện tượng nóng chảy của các chất

- Câu 18:** Nhiệt độ của người bình thường là
 A. 42°C. B. 35°C. C. 37°C. D. 39,5°C.

- Câu 19:** Cần sử dụng loại nhiệt kế nào để đo nhiệt độ của không khí quanh ta?
 A. nhiệt kế thủy ngân. B. nhiệt kế y tế.
 C. nhiệt kế điện tử. D. nhiệt kế rượu.

- Câu 20:** Nhiệt độ của nước đá đang tan theo nhiệt giai Celsius là
 A. 0°C. B. 100°C. C. 32°C D. -4°C

- Câu 21:** 1 lạng bằng bao nhiêu kilogam?
 A. 1kg B. 0,1 kg
 C. 0.01 kg D. 0,001 kg

- Câu 22:** Khi đo khối lượng của một vật bằng một cái cân có ĐCNN là 10g. Kết quả nào sau đây là đúng?
 A. 298 g B. 302 g C. 3000 g D. 305 g

- Câu 23:** Một bạn dùng thước đo độ dài có ĐCNN là 1dm để đọc chiều dài lớp học. Trong các cách ghi kết quả dưới đây, cách ghi nào là đúng ?
 A. 5m B. 50dm C. 500cm D. 50,0dm

- Câu 24:** Chỉ ra đâu là tính chất vật lí của chất
 A. Nến cháy thành khí cacbon đi oxit và hơi nước C. Bánh mì để lâu bị ỉu thiu
 B. Bơ chảy lỏng khi để ngoài trời D. Cơm nếp lên men thành rượu

- Câu 25:** Chỉ ra đâu là tính chất hóa học của chất
 A. Đường tan vào nước C. Tuyết tan
 B. Kem chảy lỏng khi để ngoài trời D. Cơm để lâu bị mốc

- Câu 26:** Hiện tượng tự nhiên nào sau đây là do hơi nước ngưng tụ?
 A. Tạo thành mây C. Mưa rơi
 B. Gió thổi D. Lốc xoáy

- Câu 27:** Lọ nước hoa để trong phòng có mùi thơm. Điều này thể hiện:
 A. Chất dễ nén được C. Chất dễ hóa hơi
 B. Chất dễ nóng chảy D. Chất không chảy được

- Câu 28:** Quá trình nào sau đây thải ra khí oxygen
 A. Hô hấp C. Hòa tan
 B. Quang hợp D. Nóng chảy

Câu 29: Phát biểu nào sau đây về oxygen là không đúng ?

- A. Oxygen không tan trong nước C. Oxygen không mùi và không vị
B. Oxygen cần thiết cho sự sống D. Oxygen cần cho sự đốt cháy nhiên liệu

Câu 30: Quá trình nào dưới đây không làm giảm oxygen trong không khí?

- A. Sự gỉ của các vật dụng bằng sắt. C. Sự quang hợp của cây xanh.
B. Sự cháy của than, củi, bếp ga. D. Sự hô hấp của động vật

Câu 31: Chất khí nào có nhiều trong không khí gây mưa axit

- A. Oxygen C. Cacbon đi oxit
B. Nitrogen D. Sulfur đi oxit

Câu 32: Cho một que đóm còn tàn đỏ vào một lọ thủy tinh chứa khí oxygen. Hiện tượng gì xảy ra?

- A. Không có hiện tượng C. Tàn đỏ từ từ tắt
B. Tàn đỏ tắt ngay D. Tàn đỏ bùng cháy thành ngọn lửa

Câu 33: Để bảo vệ môi trường không khí trong lành cần:

- A. Sử dụng năng lượng hợp lí, tiết kiệm C. Không xả rác bừa bãi
B. Bảo vệ và trồng cây xanh D. Cả A, B, C

Câu 34: Phát biểu nào sau đây là sai khi nói về sự nóng chảy và sự đông đặc?

- A. Các chất khác nhau sẽ nóng chảy (hay đông đặc) ở nhiệt độ khác nhau.
B. Đối với một chất nhất định, nếu nóng chảy ở nhiệt độ nào thì sẽ đông đặc ở nhiệt độ ấy.
C. Nhiệt độ của vật sẽ tăng dần trong quá trình nóng chảy và giảm dần trong quá trình đông đặc.
D. Phần lớn các chất nóng chảy (hay đông đặc) ở một nhiệt độ nhất định.

Câu 35: Sự đông đặc là sự chuyển từ

- A. thể rắn sang thể lỏng B. thể lỏng sang thể hơi
C. thể lỏng sang thể rắn D. thể hơi sang thể lỏng

Câu 36: khả năng bay hơi của một chất lỏng không phụ thuộc vào:

- A. Nhiệt độ
B. Gió
C. Màu sắc của chất lỏng
D. Diện tích mặt thoáng của chất lỏng

Câu 37: Trong các trường hợp sau đây, đặc điểm nào không phải là của sự bay hơi?

- A. Xảy ra ở một nhiệt độ xác định của chất lỏng
B. Xảy ra trên mặt thoáng của chất lỏng
C. Khó nhìn thấy được
D. Xảy ra ở bất kì nhiệt độ nào của chất lỏng

Câu 38: Khi nấu cơm, ta mở nắp vung ra thì thấy bên trong nắp có các giọt nước bám vào là do:

- A. Hơi nước trong nồi ngưng tụ
B. Hạt gạo bị nóng chảy
C. Hơi nước bên ngoài nồi ngưng tụ
D. Hơi nước bên ngoài nồi đông đặc

Câu 39. Quan sát vật nào dưới đây cần phải sử dụng kính hiển vi:

- A. Tế bào biểu bì vảy hành C. Con ong
B. Con kiến D. Tép bưởi

Câu 40. Hệ thống phóng đại của kính hiển vi bao gồm:

- A. Thị kính, vật kính
B. Chân kính, thân kính, bàn kính, kẹp giữ mẫu
C. Ốc to (núm chỉnh thô), ốc nhỏ (núm chỉnh tinh)
D. Đèn chiếu sáng, gương, màn chắn.

Câu 41. Cơ thể sinh vật có khả năng thực hiện quá trình sống cơ bản nào?

- A. Cảm ứng và vận động C. Hô hấp
B. Sinh trưởng và vận động D. Cả A,B,C đúng

Câu 42. Trong các nhóm sau nhóm nào gồm toàn vật sống:

- A. Con gà, con chó, cây nhãn C. Chiếc lá, cây mồng tơi, hòn đá
B. Chiếc bút, chiếc lá, viên phấn D. Chiếc bút, con vịt, con chó

Câu 43. Trong các nhóm sau nhóm nào gồm toàn vật không sống:

- A. Con gà, con chó, cây nhãn C. Chiếc lá, cây bút, hòn đá
B. Con gà, cây nhãn, miếng thịt D. Chiếc bút, con vịt, con chó

Câu 44: Hoạt động nào sau đây **không** được xem là nghiên cứu khoa học tự nhiên?

- A. Nghiên cứu quá trình hình thành và phát triển của động vật.
B. Nghiên cứu sự lên xuống của thủy triều.
C. Nghiên cứu sự khác nhau giữa văn hoá Việt Nam và văn hoá Trung Quốc.
D. Nghiên cứu cách thức sản xuất phân bón hoá học

Câu 45: Hành động nào sau đây **không** thực hiện đúng quy tắc an toàn trong phòng thực hành?

- A. Làm thí nghiệm theo hướng dẫn của giáo viên.
B. Làm theo các thí nghiệm xem trên Internet.
C. Đeo găng tay khi làm thí nghiệm với hoá chất.
D. Rửa sạch tay sau khi làm thí nghiệm.

Câu 46: Khi gặp sự cố mất an toàn trong phòng thực hành, em cần làm gì?

- A. Báo cáo ngay với giáo viên trong phòng thực hành.
B. Tự xử lý và không thông báo với giáo viên.
C. Nhờ bạn xử lý sự cố.
D. Tiếp tục làm thí nghiệm.

Câu 47: Chọn từ thích hợp để điền vào chỗ trống trong câu sau:

Trong cấu tạo của kính hiển vi, ... là bộ phận để mắt nhìn vào khi quan sát vật mẫu.

- A. vật kính B. thị kính C. bàn kính D. chân kính

Câu 48: Khả năng phóng to ảnh của vật bằng kính hiển vi là

- A. 3 – 20 lần. B. 10 – 20 lần.
C. 20 – 100 lần, D. 40 – 3000 lần.

Câu 49: Vật thể nào sau đây được xem là nguyên liệu?

- A. Ngói B. Đất sét.
C. Xi măng. D. Gạch xây dựng.

Câu 50: Khi dùng gỗ để sản xuất giấy thì người ta sẽ gọi gỗ là

- A. nhiên liệu. B. nguyên liệu.
C. phế liệu. D. vật liệu.

Câu 51: Gang và thép đều là hợp kim được tạo bởi 2 thành phần chính là sắt và carbon, gang cứng hơn sắt. Vì sao gang ít được sử dụng trong các công trình xây dựng?

- A. Vì gang khó sản xuất hơn thép.
B. Vì gang dẫn nhiệt kém hơn thép.
C. Vì gang được sản xuất ít hơn thép.
D. Vì gang giòn hơn thép.

Câu 52: Vật liệu nào sau đây hầu như **không thể** tái sinh?

- A. Bông. B. Gỗ.
C. Dầu thô. D. Nông sản.

Câu 53: Nguyên liệu nào sau đây được sử dụng trong lò nung vôi?

- A. Đá vôi. B. Đất sét.
C. Cát. D. Gạch.

Câu 54: Khi khai thác quặng sắt, ý nào sau đây là không đúng?

- A. Chế biến quặng thành sản phẩm có giá trị để nâng cao kinh tế.
B. Nên sử dụng các phương pháp khai thác thủ công.
C. Tránh làm ô nhiễm môi trường.
D. Khai thác tiết kiệm vì nguồn quặng có hạn.

Câu 55: Cây trồng nào sau đây **không** được xem là cây lương thực?

- A. Lúa mì. B. Ngô.
C. Mía. D. Lúa gạo.

Câu 56: Những biện pháp đảm bảo an toàn thực phẩm gồm:

- A. Rau, quả, thịt, cá... phải mua tươi hoặc ướp lạnh.
B. Thực phẩm đóng hộp phải chú ý hạn sử dụng.
C. Tránh để lẫn lộn thực phẩm sống với thực phẩm cần nấu chín.
D. Tất cả các câu trên đều đúng.

Câu 57: Nhiệt độ nào là an toàn trong nấu nướng, vi khuẩn bị tiêu diệt ?

- A. 80°C – 100°C
B. 100°C - 115°C
C. 100°C - 180°C
D. 50°C - 60°C

Câu 58: Trong các thực phẩm dưới đây, loại nào chứa nhiều protein (chất đạm) nhất?

- A. Thịt.
B. Gạo.
C. Rau xanh.
D. Gạo và rau xanh.

B. Tự luận

Câu 1: Cho các dụng cụ sau: đồng hồ bấm giây, thước dây, kính lúp, kéo, búa, nhiệt kế y tế, thước kẻ, cốc đồng, cân khối lượng, ống hút nhỏ giọt.

Bạn An thực hiện một số phép đo sau, em hãy giúp bạn bằng cách lựa chọn dụng cụ đo phù hợp cho mỗi phép đo sao cho thực hiện dễ dàng và cho kết quả chính xác nhất.

STT	Phép đo	Tên dụng cụ đo
1	Đo thân nhiệt (nhiệt cơ thể)	
2	Đo lượng nước cần pha sữa cho em hàng ngày	
3	Đo khối lượng cơ thể	
4	Đo diện tích lớp học	
5	Đo thời gian đun sôi một lít nước	
6	Đo chiều dài của quyển sách	

Câu 2: Máy sấy tóc hoạt động dựa vào nguyên tắc nào?

Câu 3: Mỗi giờ một người lớn hít vào trung bình $0,5\text{m}^3$ không khí, cơ thể giữ lại $1/3$ lượng oxygen trong không khí đó. Như vậy, mỗi người lớn trong một ngày đêm cần trung bình:

- a. Một thể tích không khí là bao nhiêu?
b. Thể tích oxygen là bao nhiêu (giả sử oxygen chiếm $1/5$ thể tích không khí)?

Câu 4: Bạn Đức tiến hành thí nghiệm: Lấy một vỏ hộp sữa (bằng bìa carton) rồi cho nước vào tới gần đầy hộp. Sau đó bạn đun hộp đó trên bếp lửa, hộp carton không cháy mà nước lại sôi

- a. Nhiệt độ sôi của nước là bao nhiêu?
b. Khi nước sôi, em quan sát thấy hiện tượng gì ở trên hộp sữa chứa nước?
c. Vỏ carton cháy ở nhiệt độ trên hay dưới 100°C
d. Điều gì xảy ra nếu trong vỏ hộp sữa không chứa nước?

Câu 5: Em hãy mô tả 2 quá trình chuyển đổi từ thể rắn sang thể lỏng và ngược lại mà em hay gặp trong đời sống

Câu 6: Bạn An lấy một viên đá lạnh nhỏ ở trong tủ lạnh rồi bỏ lên chiếc đĩa. Khoảng một giờ sau, bạn An không thấy viên đá lạnh đâu nữa là thấy nước trải đều trên mặt đĩa. Bạn An để luôn vậy và ra làm rau cùng mẹ. Đến trưa, bạn đến lấy chiếc đĩa ra để rửa thì không còn thấy nước.

- a. Theo em, nước đã biến đâu mất?
b. Nước có thể tồn tại ở những thể nào?
c. Hãy vẽ sơ đồ mô tả sự biến đổi giữa các thể của nước?
d. Tại sao lại có hiện tượng nước trải đều trên mặt đĩa?
e. Nếu để một cốc có chứa đá lạnh bên trong, sau một thời gian có thấy nước ở bên ngoài cốc. Giải thích tại sao có hiện tượng đó?

Câu 7 : Hãy cho biết tác hại của việc khai thác đá vôi đối với môi trường. Đề xuất các hành động để bảo vệ tài nguyên rừng và biển của Việt Nam.

Câu 8: Nhóm carbohydrate có vai trò gì đối với cơ thể? Tại sao cần bảo quản thực phẩm đúng cách?

Môn: NGỮ VĂN

A. Phần văn bản

1. Truyện và truyện đồng thoại

2. Thơ

3. Miêu tả nhân vật trong truyện kể

4. Văn bản: Chỉ ra nội dung chính, nhân vật chính, người kể chuyện, đặc điểm của nhân vật, tác giả, xuất xứ trong bản bản.

B. Phần thực hành tiếng Việt

1. Từ đơn và từ phức

2. Các biện pháp tu từ: So sánh; Nhân hóa; Điệp ngữ; Ẩn dụ

* Yêu cầu:

- Nhận diện được các biện pháp tu từ
- Nêu được tác dụng của các biện pháp tu từ.
- Viết đoạn văn có sử dụng các biện pháp tu từ trên.

C. Một số đề ôn tập:

ĐỀ 1

Phần I. Đọc-hiểu (6.0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Câu chuyện về Chim Én và Dế Mèn

“Mùa xuân đất trời đẹp, Dế Mèn thơ thẩn ở cửa hang, hai con Chim Én thấy tội nghiệp bèn rủ Dế Mèn dạo chơi trên trời. Mèn hốt hoảng. Nhưng sáng kiến của Chim Én đưa ra rất giản dị: hai Chim Én ngậm hai đầu của một cọng cỏ khô, Mèn ngậm vào giữa. Thế là cả ba cùng bay lên. Mây nồng nàn, trời đất gợi cảm, cỏ hoa vui tươi. Dế Mèn say sưa. Sau một hồi lâu miên man, Mèn ta chợt nghĩ bụng, ơ hay việc gì ta gánh hai con Én này trên vai cho mệt nhỉ. Sao ta không quẳng gánh nợ này đi để dạo chơi một mình có sướng hơn không? Nghĩ là làm, Mèn há mồm ra. Và nó rơi vèo xuống đất như một chiếc lá lìa cành.”
(Theo Đoàn Công Lê Huy trong mục “Trò chuyện đầu tuần” báo “Hoa học trò”)

Hãy chọn chữ cái đứng trước đáp án đúng để trả lời các câu hỏi:

Câu 1. Văn bản trên thuộc thể loại nào?

- | | |
|-------------------------|----------------------|
| A. Truyện ngắn | B. Truyện đồng thoại |
| C. Truyện truyền thuyết | D. Truyện cổ tích |

Câu 2. Người kể chuyện trong văn bản trên là nhân vật nào?

- A. Nhân vật Chim Én.
B. Nhân vật Dế Mèn.
C. Nhân vật Chim Én và Dế Mèn.
D. Nhân vật giấu mình không tham gia vào câu chuyện.

Câu 3. Nhận xét nào đúng với đặc điểm của nhân vật trong văn bản trên?

- A. Nhân vật là loài vật bạn thân của con người.
B. Nhân vật là loài vật gắn bó với con người.
C. Nhân vật là loài vật được nhân cách hóa như con người.
D. Nhân vật là loài vật có nếp sống sinh hoạt như con người.

Câu 4. Câu văn: “Sao ta không quẳng gánh nợ này đi để dạo chơi một mình có sướng hơn không?” miêu tả nội tâm hay hành động của nhân vật?

- A. Nội tâm của Dế Mèn.
B. Nội tâm của Chim Én.
C. Hành động của Dế Mèn.
D. Hành động của Chim Én.

Câu 5. Nghĩa của từ “hốt hoảng” trong câu văn “Mèn hốt hoảng.” là gì?

- A. Lo lắng và sợ hãi.
B. Lo lắng và kinh sợ.
C. Lo sợ và luống cuống.

D. Lo sợ và kinh hoàng

Câu 6. Câu văn: “*Mây nồng nàn, trời đất gọi cảm, cỏ hoa vui tươi.*” có bao nhiêu từ ghép?

A. Ba từ.

B. Bốn từ.

C. Năm từ.

D. Sáu từ.

Câu 7. Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong câu văn: “*Mây nồng nàn, trời đất gọi cảm, cỏ hoa vui tươi.*”?

A. Nhân hoá

B. So sánh

C. Ẩn dụ

D. Hoán dụ

Dế Mèn say sưa

Câu 8. Vị ngữ trong câu văn: “*Và nó rơi vèo xuống đất như một chiếc lá lìa cành.*” Có cấu tạo như thế nào?

A. Là một cụm chủ - vị.

B. Là một cụm danh từ.

C. Là một cụm động từ.

D. Là một cụm tính từ.

Câu 9. Hai con Chim Én đã giúp Dế Mèn điều gì? Việc làm đó giúp em hiểu gì về Chim Én?

Câu 10. Từ nội dung câu chuyện trên, em rút ra được bài học gì cho bản thân?

Phần II. Viết (4.0 điểm)

Trong cuộc sống, những trải nghiệm, đặc biệt là trải nghiệm với người thân luôn đem đến cho mỗi người rất nhiều cảm xúc và bài học quý giá. Em hãy viết bài văn (khoảng 1,5 trang giấy) kể về một trải nghiệm sâu sắc của em với người thân trong gia đình.

ĐỀ 2

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới bằng cách ghi lại đáp án đúng vào giấy kiểm tra:

*Yêu từng bờ ruộng, lối mòn,
Đỏ tươi bông gạo, biếc rờn ngàn dâu.
Yêu con sông mặt sóng xao,
Dòng sông tuổi nhỏ rì rào hát ca.
Yêu hàng ốt đã ra hoa
Đám dưa trở nụ, đám cà trở bông.
Yêu sao tiếng mẹ ru nồng,
Tiếng thoi lách cách bên nông dâu tằm.*

(Ta yêu quê ta, Lê Anh Xuân, Thơ Thiếu nhi chọn lọc, NXB Văn học, 2017)

Câu 1: Văn bản trên được viết theo thể thơ nào?

A. Thể thơ tự do.

B. Thể thơ tám chữ.

C. Thể thơ lục bát.

D. Thể thơ sáu chữ.

Câu 2: Văn bản trên được viết theo phương thức biểu đạt chính nào?

A. Biểu cảm.

B. Tự sự.

C. Miêu tả.

D. Nghị luận.

Câu 3: Trong dòng thơ: “*Đám dưa trở nụ, đám cà trở bông*” có mấy cụm động từ?

A. Một cụm động từ.

B. Hai cụm động từ.

C. Ba cụm động từ.

D. Bốn cụm động từ.

Câu 4: Chủ đề của văn bản trên là gì?

A. Tình yêu quê hương

B. Tình yêu gia đình

C. Tình yêu thiên nhiên

D. Tình yêu đôi lứa

Câu 5: Điệp từ “yêu” trong văn bản trên có tác dụng ra sao?

- A. Nhấn mạnh tình yêu da diết của tác giả đối với dòng sông.
- B. Nhấn mạnh tình yêu quê hương da diết của tác giả.
- C. Nhấn mạnh tình yêu da diết của tác giả đối với mẹ.
- D. Nhấn mạnh tình yêu sâu sắc của tác giả đối với gia đình.

Câu 6: Cảm nhận nào phù hợp nhất về cảnh vật quê hương hiện lên trong hai dòng thơ sau:

*“Yêu từng bờ ruộng, lối mòn,
Đỏ tươi bông gạo, biếc rờn ngàn dâu”.*

- A. Cảnh rực rỡ, tha thiết, băng khuâng.
- B. Cảnh mênh mông, bình dị, thân quen.
- C. Cảnh tươi đẹp, thơ mộng, trữ tình.
- D. Cảnh tươi đẹp, thân thuộc, bình dị.

Câu 7: Nhận xét nào phù hợp nhất về ý nghĩa lời ru của mẹ qua hai dòng thơ:

*“Yêu sao tiếng mẹ ru nồng,
Tiếng thoi lách cách bên nong dâu tằm”?*

- A. Lời ru của mẹ đưa con vào giấc ngủ, bồi đắp tâm hồn con.
- B. Lời ru của mẹ động viên, khích lệ con nỗ lực học tập tốt.
- C. Lời ru của mẹ là khúc hát xua tan mệt mỏi trong lao động.
- D. Lời ru của mẹ gợi nhắc những kỉ niệm tuổi thơ tươi đẹp.

Câu 8: Hiệu quả của biện pháp nhân hóa trong dòng thơ: “Dòng sông tuổi nhỏ rì rào hát ca” là gì?

- A. Nhấn mạnh kỉ niệm tuổi thơ êm đềm, ngọt ngào gắn với dòng sông.
- B. Câu thơ khơi gợi trí tưởng tượng bay bổng ở người đọc.
- C. Dòng sông trở nên sinh động, gần gũi, gắn bó với con người.
- D. Giúp đối chiếu sự vật hiện tượng này với sự vật hiện tượng khác.

Câu 9: Qua văn bản, tác giả muốn gửi tới người đọc những thông điệp gì?

Câu 10: Từ nội dung của văn bản, em nhận thấy mình cần làm gì để góp phần xây dựng quê hương?

II. VIẾT (4,0 điểm)

Văn bản “Ta yêu quê ta” (Lê Anh Xuân) đã gợi ra nhiều điều về quê hương yêu dấu - nơi cho ta nhiều trải nghiệm. Hãy kể lại một trải nghiệm về thú vị của em với quê hương (dung lượng bài viết không quá 1.5 trang giấy)

ĐỀ 03

PHẦN I. ĐỌC – HIỂU (6 ĐIỂM)

Đọc bài thơ sau:

MẸ

*Lặng rồi cả tiếng con ve,
Con ve cũng mệt vì hè nắng oi.
Nhà em vẫn tiếng ạ ời,
Kêu cà tiếng vồng mẹ ngồi mẹ ru.
Lời ru có gió mùa thu,
Bàn tay mẹ quạt mẹ đưa gió về.
Những ngôi sao thức ngoài kia,
Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con.
Đêm nay con ngủ giấc tròn,
Mẹ là ngọn gió của con suốt đời.*

(Mẹ, Trần Quốc Minh, SGK Tiếng Việt 2, tập 1, NXB Giáo dục, 2002)

Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm sau bằng cách khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng

Câu 1. Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào?

- A. Thể thơ bốn chữ
- B. Thể thơ năm chữ
- C. Thể thơ tự do
- D. Thể thơ lục bát

Câu 2. Trong hai dòng thơ cuối, những tiếng nào được gieo vần với nhau?

*Đêm nay con ngủ giấc tròn,
Mẹ là ngọn gió của con suốt đời.*

- A. Tròn - đời
B. Tròn - con
C. Tròn - con - đời
D. Con - tròn - đời
- Câu 3. Đáp án nào sau đây **KHÔNG** phải là từ ghép?
A. Con ve
B. Ngôi sao
C. Ngọn gió
D. Đã thức
- Câu 4. Tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật nào trong hai dòng thơ *Những ngôi sao thức ngoài kia/ Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con*?
A. So sánh và nhân hóa
B. Điệp ngữ và liệt kê
C. Liệt kê và ẩn dụ
D. Điệp ngữ và ẩn dụ
- Câu 5. Nội dung nào **KHÔNG** phù hợp với câu thơ *Mẹ là ngọn gió của con suốt đời*?
A. Tình cảm của mẹ dành cho con luôn thiêng liêng, dịu êm và bền vững nhất.
B. Đi suốt một đời, tình mẹ ngọt ngào mãi bên con, nâng bước con đi.
C. Câu thơ khẳng định một cách thấm thía tình mẹ bao la, vĩnh hằng nhất.
D. Mẹ đã thức trắng đêm thâu để ru cho con ngủ.
- Câu 6. Âm thanh nào xuất hiện trong bài thơ?
A. Tiếng ve
B. Tiếng chim
C. Tiếng mưa
D. Tiếng dế
- Câu 7. Câu thơ nào cho biết đêm hè rất nóng bức?
A. Con ve cũng mệt vì hè nắng oi
B. Bàn tay mẹ quạt mẹ đưa gió về
C. Kéo còi tiếng vọng mẹ ngồi mẹ ru
D. Mẹ là ngọn gió của con suốt đời
- Câu 8. Bài thơ đã thể hiện tình cảm gì của tác giả?
A. Tình cảm lo lắng cho người mẹ của mình.
B. Tình cảm xót xa cho người mẹ của mình.
C. Tình cảm biết ơn với người mẹ của mình.
D. Tình cảm buồn phiền với người mẹ của mình.
- Câu 9. Nội dung bài thơ đã khơi gợi trong em tình cảm gì với người mẹ?
Câu 10. Em hãy kể ra những việc làm thể hiện tình cảm của em dành cho cha mẹ của mình.

II. LÀM VĂN (4 điểm)

Trong cuộc sống, trải nghiệm, đặc biệt là những trải nghiệm với người thân đã đem đến cho mỗi người rất nhiều cảm xúc, bài học quý giá. Em hãy viết bài văn kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của em với mẹ hoặc người thân. Bài viết không quá 2 trang giấy thi.

Môn: LỊCH SỬ-ĐỊA LÝ

LỊCH SỬ

I. Phần tự luận

- Câu 1: Lịch sử là gì ? Học lịch sử để làm gì?
Câu 2: Em hiểu thế nào là âm lịch, dương lịch?
Câu 3: Con người đã xuất hiện như thế nào?
Câu 4: Người tinh khôn sống như thế nào?

II. **phần trắc nghiệm : Em hãy chọn ý đúng nhất**

Câu 1. Lịch sử là

- A. những gì đã diễn ra trong quá khứ. B. những gì đã diễn ra hiện tại.
C. những gì đã diễn ra . D. bài học của cuộc sống.

Câu 2. Truyện “ Thánh Gióng” thuộc nguồn tư liệu nào?

- A. Truyền miệng . B. Chữ viết.
C. Hiện vật. D. Không thuộc các tư liệu trên.

Câu 3. Năm 179 TCN cách ngày nay (năm 2021) bao nhiêu năm?

- A. 1839 năm. B. 1840 năm. C. 2195 năm. D. 2200 năm.

Câu 4. Một thiên niên kỷ gồm bao nhiêu năm?

- A. 1000 năm . B. 100 năm C. 10 năm D. 2000 năm

Câu 5. Loài người là kết quả của quá trình tiến hóa từ

- A. Người tối cổ B. Vượn C. Vượn người D. Người tinh khôn

Câu 6. Người tối cổ đã xuất hiện cách ngày nay bao nhiêu năm

- A. Khoảng 5-6 triệu năm B. Khoảng 4 triệu năm
C. khoảng 15 vạn năm D. Khoảng 3 triệu năm

Câu 7. Dấu tích của Người vượn ở khu vực Đông Nam Á được tìm thấy ở nước nào?

- A. Việt Nam và Lào . B. Mi an ma và In đô nê xi a.
C. Cam pu chia D. Thái Lan

Câu 8. Tại Việt Nam người ta tìm thấy răng của Người tối cổ ở đâu

- A. Hang Thẩm Khuyên Thẩm Hai (Lạng Sơn) B. Núi Đọ (Thanh Hóa)
C. An Khê (Gia Lai) D. Xuân Lộc (Đồng Nai)

Câu 9. Tư liệu hiện vật là

- A. di tích, đồ vật của người xưa còn được giữ lại trong lòng đất hay trên mặt đất
B. những lời mô tả về các hiện vật của người xưa được lưu truyền lại
C. đồ dùng mà thấy cô giáo em sử dụng để dạy học
D. bản ghi chép, nhật ký hành trình của các nhà thám hiểm trong quá khứ

Câu 10. Tư liệu chữ viết là

- A. những hình khắc trên bia đá
B. những bản ghi; sách được in, khắc bằng chữ viết; vở chép tay.... từ quá khứ
C. những hình vẽ trên vách hang đá của người nguyên thủy
D. những câu chuyện cổ tích

Câu 11. Người xưa dựa vào đâu để làm ra lịch?

- A. Sự di chuyển của Mặt Trăng quanh Trái Đất
B. Sự chuyển động lên xuống của thủy triều
C. Sự di chuyển của Trái Đất quanh Mặt Trời.
D. Sự di chuyển của Trái Đất quanh Mặt Trời và sự di chuyển của Mặt Trăng quanh Trái Đất.

Câu 12. Xã hội nguyên thủy đã trải qua những giai đoạn phát triển nào?

- A. Bầy người nguyên thủy, công xã bộ lạc
B. Bầy người nguyên thủy, người tinh khôn
C. Bầy người nguyên thủy, người tối cổ
D. Bầy người nguyên thủy, công xã thị tộc

Câu 13. Cư dân Bắc Bộ Việt Nam biết tới đồ đồng từ khi nào

- A. 2 000 năm trước B. 3 000 năm trước
C. 4 000 năm trước D. 1 000 năm trước

Câu 14. Con người đã phát hiện và dùng kim loại để chế tạo công cụ vào khoảng thời gian nào?

- A. Thiên niên kỉ thứ II TCN B. Thiên niên kỉ thứ III TCN
C. Thiên niên kỉ thứ IV TCN D. Thiên niên kỉ thứ V TCN

Câu 15. Phân môn lịch sử chúng ta học là:

- A. Môn học tìm hiểu lịch sử thay đổi của Trái Đất dưới tác động của con người
B. Môn học tìm hiểu quá trình hình thành và phát triển của xã hội loài người từ khi con người xuất hiện cho đến ngày nay
C. Môn học tìm hiểu tất cả những gì xảy ra trong quá khứ
D. Môn học tìm hiểu những chuyện cổ tích do người xưa kể lại

Câu 16. Ý nào sau đây **không** phản ánh đúng ý nghĩa của việc học lịch sử

- A. Học lịch sử để biết được về cuội nguồn của bản thân, gia đình, dòng họ và dân tộc
- B. Học lịch sử để biết quá trình tiến hóa của loài người
- C. Học lịch sử để biết được quá trình hình thành và phát triển của mỗi ngành, lĩnh vực
- D. Học lịch sử để đúc rút những bài học kinh nghiệm của quá khứ phục vụ cho hiện tại và xây dựng tương lai

Câu 17. Việc phát hiện ra công cụ và đồ trang sức trong các mộ táng đã chứng tỏ điều gì?

- A. Công cụ lao động và đồ trang sức làm ra ngày càng nhiều
- B. Quan niệm về đời sống tin ngưỡng xuất hiện
- C. Đã có sự phân chia tài sản giữa các thành viên trong gia đình
- D. Đời sống vật chất và tinh thần của người nguyên thủy đã có sự phát triển

Câu 18. Nguyên nhân chính làm cho xã hội nguyên thủy tan rã là do

- A. năng suất lao động tăng.
- B. xã hội phân hoá giàu nghèo.
- C. công cụ sản xuất bằng kim loại xuất hiện. .
- D. có sản phẩm thừa.

Câu 19. Trên các tờ lịch của Việt Nam đều có ghi cả âm lịch và dương lịch vì:

- A. cả âm lịch và dương lịch đều chính xác như nhau
- B. ở nước ta vẫn dùng hai loại lịch âm và dương song song với nhau
- C. âm lịch là theo phương Đông còn dương lịch là theo phương Tây
- D. nước ta dùng dương lịch theo lịch chung của thế giới, nhưng trong nhân dân vẫn dùng âm lịch theo truyền thống

Câu 20. Vượn người chuyển hóa thành người thông qua quá trình

- A. tìm kiếm thức ăn. .
- B. chế tạo ra cung tên.
- C. tạo ra lửa . .
- D. Lao động, chế tạo và sử dụng công cụ lao động

ĐỊA LÝ

Câu 1: Trình bày khái niệm kinh, vĩ tuyến và đặc điểm của các đường kinh, vĩ tuyến? Xác định tọa độ địa lí của một điểm?

Câu 2: Trình bày các cách xác định phương hướng trên bản đồ?

Câu 3: Phân loại các loại kí hiệu bản đồ?

Câu 4: Trình bày đặc điểm hình dạng, kích thước của Trái Đất?

Câu 5: Trình bày sự chuyển động của Trái Đất tự quay quanh trục và quanh Mặt Trời? Các hệ quả?

Câu 6: Cách tính giờ ở các địa điểm trên Trái Đất?

Môn: TIẾNG ANH

A. THEORY (LÝ THUYẾT)

1. Vocabulary topic:

- Colours
- Plural nouns
- Days of the week, Dates, Months, Seasons
- Cardinal numbers, Ordinal numbers
- Nationalities, Families, Adjectives to describe people (appearance and personality)
- Clothes and footwear items
- Food and drink, Meals, Popular supermarket food

- Cooking, Places to eat

2. Grammar:

- Subject Pronouns, Object Pronouns, Possessive Adjectives
- To be
- Demonstrative Pronouns (this, that, these, those)
- Imperatives
- Classroom Language
- Telling the time, Saying phone numbers
- Wh- Questions
- Can (for ability)
- Have got
- There is/ there are + some/any
- Countable and uncountable nouns
- Quantifiers
- too much/ too many/ not enough.

3. Out of the box:

- Hi there!
- What about her?
- Come on!
- Excuse me
- Really cool!
- I'm sorry
- No worries
- I'm starving
- Let's make!

- Of course

B. PRACTICE

I. the word whose underlined part is pronounced differently from that of the others (1 point)

- | | | | | |
|----|-----------------|-----------------|-------------------|-----------------|
| 1. | a. <u>look</u> | b. <u>room</u> | c. <u>book</u> | d. <u>poor</u> |
| 2. | a. <u>bread</u> | b. <u>learn</u> | c. <u>sweater</u> | d. <u>cheap</u> |
| 3. | a. <u>dirty</u> | b. <u>shirt</u> | c. <u>slim</u> | d. <u>skirt</u> |

4. a. auntie b. artist c. architect d. actor

II. OOD ONE OUT

- | | | | |
|----------------|-------------|-------------|-------------|
| 1. A. friendly | B. frey | C. funny | D. flever |
| 2. A. fkirt | B. facket | C. trainers | D. shorts |
| 3. A. French | B. Spanish | C. Germany | D. Japanese |
| 4. A. biscuits | B. potatoes | C. celery | D. carrots |
| 5. A. son | B. daughter | C. friend | D. cousin |
| 6. A. boil | B. fry | C. bake | D. oil |

III. CHOOSE THE BEST ANSWER

- I've got a watch. This is watch.
A. my B. me C. mine D. I
- My friends and have got sweets.
A. my B. me C. mine D. I
- They are poor students. We must help
A. them B. they C. our D. we
- book is worth reading
A. This B. These C. They D. Those
- dogs are always so friendly
A. This B. These C. They D. That
- My sister lives with
A. me B. my C. I D. she
- Write your exercise books
A. in B. at C. to D. of
- There is too salt in the scrambled eggs
A. much B. Many C. a D. An



- what time is it?
A. ten to seven B. seven to fifty C. ten to eight D. eight past ten
- Which month is missing July, _____, September.
A. October B. August C. November D. December
- The coldest season is...
A. winter B. spring C. autumn D. summer
- The second month of a year is
A. March B. January C. August D. February
- My best friend is Jane, she is friendly and intelligent, she can do all Math problems.
A. funny B. clever C. brave D. quiet
- What would you like?
A. No, thanks B. Here you are C. orange juice, please D. It's delicious
- I need cakes
A. some B. any C. A D. an
- There too many people in the room
A. can B. are C. is D. isn't
- There isn't beef in the fridge.
A. some B. much C. many D. a
- Who is your mother's brother? He is my
A. sister B. uncle C. grandmother D. cousin
- He's 90! He's a very man.
A. young B. fat C. old D. big
- He is a waiter, he works at a
A. hospital B. shop C. restaurant D. police station
- Ben Stiller has got short dark hair and eyes are blue.
A. he B. his C. him D. their

22. My best friend, Harry canunder water for more than two minutes.
A. drink B. shoot C. look D. stay
23. foreign languages can our speak?
A. How many B. How much C. How old D. How long
24. Tina's cousin is very He likes meeting new people.
A. quiet B. friendly C. strong D. careful
25. What is that man's? - People say he is Irish.
A. personality B. appearance C. ability D. nationality
26. I like Anne's dress, I don't like her trainers.
A. and B. but C. because D. so
27. - Peter: Can you cook? - Mary:
A. Excuse me B. Of course C. Just joking D. No worries.
28. - Nick : - Stuart: I'm pretty good, thanks.
A. How old are you? B. Are you good at playing football?
C. Can you jump 7 metres? D. How's it going?
29. - Waiter: What would you like to eat? - Max:
A. I'm starving. B. Come on!
C. Really cool! D. A cheese burger, please
30. We love the seafood in that Italian
A. café B. restaurant C. football club D. burger bar

IV. READING

Read the text then answer questions

Lan's hero is Miss Mai, my Math teacher. She is forty years old. She lives in An Lao town. She is a teacher at An Thang secondary school. She is tall and slim with long dark hair. She has an oval face, rosy cheeks, a tall nose, big brown eyes, full lips and small white. She has got two children, one son and one daughter. She can play tennis very well, but she can't play chess. She is strong. I love her so much

1. Who is Lan's hero?

.....

2. What subject does she teach?

.....

3. How is she?

.....

4. Where does she live?

.....

5. Is she a teacher at An Thang secondary school?

.....

6. Is she tall?

.....

7. How many children has she got?

.....

8. Can she play tennis very well?

.....

9. Can she play chess?

.....

V. WRITING

A. Make sentences

1. Paul and Helen/ got/ big house

.....

2. There / not/ potatoes / the kitchen.

.....

3. there / a pizza / the fridge/?

.....

4. We/ not have / English/ on Monday

5. My hero/Lan

6. She/twelve/old

B. Order the words to make sentences

1. partner / question/ a/ your/ ask

2. in/ books/ your/ put/bags/ your/

3. French/ they/ at/ can/ school/ learn/?

4. to / nice/ you,/ meet/ Mary.

5. some / get/ drinks / you/ I/ can/?

6. got/ glasses/haven't /enough/we

7. me/excuse/is/what/time/the?

8. I / dinner / my family / always / with / eat / in the evening.

9. Has got/ Jennifer Lawrence / and / blue / eyes / blonde / hair

10. Lionel Messi / Argentina / is / he / a footballer / from / is/ and.

Môn: GIÁO DỤC CÔNG DÂN

Bài 1: Tự hào về truyền thống gia đình, dòng họ.

1. Truyền thống gia đình, dòng họ

Truyền thống là những giá trị tốt đẹp được hình thành trong quá trình tồn tại và phát triển của dân tộc, được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, được mọi người thực hiện.

Truyền thống của gia đình, của dòng họ là: Nghề nghiệp, học tập, đạo đức, văn hóa.

2. Ý nghĩa của truyền thống gia đình, dòng họ

truyền thống gia đình, dòng họ có ý nghĩa đối với mỗi cá nhân gia đình, dòng họ: giúp ta có thêm kinh nghiệm và sức mạnh trong cuộc sống, góp phần làm phong phú truyền thống, bản sắc dân tộc Việt Nam.

3. Giữ gìn và phát huy truyền thống gia đình, dòng họ

Giữ gìn và phát huy truyền thống gia đình, dòng họ: Chúng ta cần phải thấy biết ơn, coi trọng và tự hào phát huy truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ và phải sống trong sạch, lương thiện, không làm điều gì tổn hại đến thanh danh của gia đình, dòng họ.

Bài 2: Yêu thương con người

1. Yêu thương con người và biểu hiện của tình yêu thương con người

yêu thương con người là sự quan tâm, giúp đỡ, làm những điều tốt đẹp cho người khác, nhất là những người gặp khó khăn, hoạn nạn.

Biểu hiện của tình yêu thương con người

Hình thức	Biểu hiện
Lời nói	chân thật
Việc làm	gân gỏi, ân cần
Thái độ	hòa đồng, nhiệt tình

Tình yêu thương con người được biểu hiện trong các mối quan hệ: gia đình, nhà trường, xã hội là sự đồng cảm, chia sẻ, sẵn sàng giúp đỡ lẫn nhau, quan tâm nhau trong lúc khó khăn, đau ốm.

2. Giá trị của tình yêu thương con người

Ý nghĩa đối với mỗi người và xã hội:

Tình yêu thương con người mang lại niềm vui, sự tin tưởng vào bản thân và cuộc sống; giúp con người có thêm sức mạnh vượt qua khó khăn; hoạn nạn; làm cho mỗi quan hệ giữa người với người thêm gần gũi, gắn bó; góp phần xây dựng cộng đồng an toàn, lành mạnh, tốt đẹp hơn.

Bài 3: Siêng năng, kiên trì

1. Siêng năng, kiên trì và biểu hiện của siêng năng, kiên trì

Siêng năng thể hiện sự cần cù, tự giác, miệt mài trong công việc, làm việc một cách thường xuyên, đều đặn, không tiếc công sức.

Kiên trì là quyết tâm làm đến cùng, không bỏ dở giữa chừng mặc dù có khó khăn, gian khổ hoặc trở ngại.

*Biểu hiện của siêng năng, kiên trì:

+ Biểu hiện của siêng năng: sự cần cù, tự giác, miệt mài, làm việc thường xuyên

Biểu hiện trái với siêng năng: lười biếng, không muốn làm việc, trốn tránh, ỷ lại...hoặc đùn đẩy việc cho người khác

+ Biểu hiện của kiên trì: chăm chỉ, cần cù, chịu khó, miệt mài...

Biểu hiện trái với kiên trì: Hay nản lòng, chóng chán, làm được đến đâu hay đến đó, không quyết tâm...

2. Ý nghĩa của siêng năng, kiên trì

Siêng năng, kiên trì giúp con người tự tin hơn, mạnh dạn hơn, dám nghĩ, dám làm, đạt được mục tiêu đề ra.

Môn: CÔNG NGHỆ

A. TRẮC NGHIỆM

Hãy khoanh tròn vào đáp án đúng nhất trong các câu hỏi sau:

Câu 1: Nhà ở có vai trò:

- A. Là nơi trú ngụ của con người
- B. Là nơi diễn ra các hoạt động hằng ngày
- C. Bảo vệ con người khỏi ảnh hưởng xấu của thiên nhiên
- D. Tất cả đều đúng

Câu 2: Nhà ở bao gồm các phần chính sau:

- A. Sàn nhà, khung nhà, cửa ra vào, cửa sổ
- B. Khung nhà, tường, mái nhà, cửa ra vào, cửa sổ
- C. Móng nhà, sàn nhà, tường, mái nhà
- D. Móng nhà, sàn nhà, khung nhà, tường, mái nhà, cửa ra vào, cửa sổ.

Câu 3: Nhà ở được phân chia thành các khu vực chức năng sinh hoạt như:

- A. Khu vực sinh hoạt chung, khu vực nghỉ ngơi
- B. Khu vực sinh hoạt chung, khu vực nghỉ ngơi, khu vực thờ cúng, khu vực nấu ăn, khu vực vệ sinh
- C. Khu vực thờ cúng, khu vực nấu ăn, khu vực vệ sinh
- D. Khu vực nghỉ ngơi, khu vực nấu ăn, khu vực vệ sinh

D. Khu ăn uống.

- A. Chuông báo, tin nhắn, đèn báo.
- B. Chuông báo, tin nhắn, đèn báo, cuộc gọi tự động tới chủ nhà.
- C. Tin nhắn, đèn báo, cuộc gọi tự động tới chủ nhà.
- D. Chuông báo, đèn báo, cuộc gọi tự động tới chủ nhà.

Câu 16: Điều hòa, quạt tự động bật lên là hệ thống nào trong ngôi nhà thông minh:

- A. Hệ thống chiếu sáng thông minh.
- B. Hệ thống camera giám sát an ninh
- C. Hệ thống kiểm soát nhiệt độ
- D. Hệ thống giải trí thông minh

Câu 17: Khi nhà có khách nhạc, tivi tự động bật lên là hệ thống nào trong ngôi nhà thông minh?

- A. Hệ thống chiếu sáng thông minh.
- B. Hệ thống camera giám sát an ninh
- C. Hệ thống kiểm soát nhiệt độ
- D. Hệ thống giải trí thông minh

Câu 18: Khói trong nhà bếp bốc lên, ngay lập tức chuông báo động vang lên là thể hiện đặc điểm nào sau đây của ngôi nhà thông minh?

- A. Tiện ích.
- B. An ninh an toàn
- C. Tiết kiệm năng lượng.
- D. Thân thiện với môi trường.

Câu 19: Tiết kiệm năng lượng giúp:

- A. Giảm cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên.
- B. Giảm ô nhiễm môi trường
- C. Giảm biến đổi khí hậu.
- D. Cả ba ý trên.

Câu 20: Biện pháp nhằm tiết kiệm năng lượng điện:

- A. Chỉ sử dụng điện khi cần thiết.
- B. Điều chỉnh chế độ hoạt động của đồ dùng điện vừa mức đủ dùng.
- C. Thay thế đồ dùng điện thông thường bằng đồ dùng tiết kiệm điện
- D. Cả ba ý trên.

Câu 21: Biện pháp nhằm tiết kiệm năng lượng chất đốt:

- A. Điều chỉnh ngọn lửa khi đun phù hợp diện tích đáy nồi và món ăn.
- B. Tắt thiết ngay khi sử dụng xong.
- C. Sử dụng đồ dùng tiết kiệm năng lượng.
- D. Cả ba ý trên.

Câu 22: Khi sử dụng điện thoại di động khi máy gần hết pin ta cần phải làm những việc nào sau đây để kéo dài thời gian sử dụng?

- A. Tắt các kết nối chưa cần như wifi, bluetooth.
- B. Giảm độ sáng màn hình.
- C. Sử dụng chế độ tiết kiệm pin.
- D. Cả 3 ý trên.

B. TỰ LUẬN :

Câu 1 : Ở nơi em đang sống có những kiểu kiến trúc đặc trưng nào? Mô tả các khu vực chức năng trong ngôi nhà của em?

Câu 2 : Năng lượng điện, năng lượng chất đốt, năng lượng mặt trời và năng lượng gió là các nguồn năng lượng thường sử dụng trong gia đình. Việc sử dụng năng lượng tiết kiệm đang là một vấn đề được nhiều quốc gia trên thế giới coi trọng. Tiết kiệm năng lượng không chỉ góp phần tiết kiệm nguồn năng lượng cho mỗi quốc gia, có ý nghĩa về kinh tế đối với mỗi hộ gia đình, mà còn có vai trò to lớn góp phần bảo vệ môi trường. Em hãy đưa ra 1 số phương án để tuyên truyền, nhắc nhở các thành viên trong gia đình mình tiết kiệm năng lượng trong gia đình mình. (ít nhất 4 phương án)

Câu 3 : Nếu được lắp đặt các hệ thống thông minh trong ngôi nhà của mình thì em sẽ lắp đặt những hệ thống gì? Giải thích về sự lựa chọn của em ?

Môn: TIN HỌC

1. Thông tin là gì?
2. Thứ tự các hoạt động của quá trình xử lý thông tin bao gồm những gì?
3. Máy tính gồm có bao nhiêu thành phần thực hiện các hoạt động xử lý thông tin?
4. Thông tin khi đưa vào máy tính, chúng đều được biến đổi thành dạng chung đó là gì?
5. Một quyển sách A gồm 200 trang nếu lưu trữ trên đĩa chiếm khoảng 5MB. Hỏi 1 đĩa cứng 40GB thì có thể chứa khoảng bao nhiêu cuốn sách có dung lượng thông tin xấp xỉ cuốn sách A?
6. Cấu trúc chung của máy tính điện tử gồm các khối chức năng nào?
7. Trong máy tính thông tin được biểu diễn như thế nào?
8. Thông tin trên Internet được tổ chức như thế nào?
9. Phân biệt sự khác nhau giữa thông tin, dữ liệu và vật mang thông tin? Cho ví dụ minh họa?
10. Theo em, tại sao thông tin trong máy tính được biểu diễn thành dãy bit?
11. Em hãy giải thích tại sao Internet lại sử dụng rộng rãi và ngày càng phát triển?
12. Theo em, ưu điểm của việc sử dụng máy tính là gì?
13. Đơn vị nhỏ nhất dùng để đo dung lượng thông tin là gì?
14. Nếu một bức ảnh được chụp bằng điện thoại di động có dung lượng khoảng 2 MB thì với dung lượng còn trống khoảng 4GB thì điện thoại có thể chứa khoảng bao nhiêu bức ảnh như vậy?
15. Theo em máy tính có thể hỗ trợ trong những công việc gì?
16. Em hãy kể tên các thành phần của mạng máy tính?
 Các thiết bị sau đây thuộc thành phần nào của mạng máy tính? Thiết bị: Máy tính để bàn, điện thoại thông minh, Bluetooth, wifi, Phần mềm vào mạng, phần mềm mua sắm trực tuyến